

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 29/2018/DS-PT

Ngày: 25 - 01 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tòng**

Các thẩm phán:

Bà Lưu Ánh Nguyệt

Ông Nguyễn Duy Lâm

-Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thanh Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Nguyễn Thị Thu Sinh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2017/TLPT – DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257 /2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Lê T**, sinh năm 1977; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S** (tên thường gọi Nguyễn Thị L), sinh năm 1963; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Lệ Tr trình bày:

Vào ngày 20-11-2015, chị có cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền 250.000.000 đồng. Bà S viết và ký tên thường gọi của bà là Nguyễn Thị L vào giấy tay có nội dung vay của chị số tiền 250.000.000 đồng, không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ, không có người làm chứng, không có công chứng, chứng thực. Thực tế, hai bên có thỏa thuận bằng lời nói: Lãi suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 01 năm. Bà S nói rằng bà vay tiền để bổ sung vào tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) nhưng chị không hỏi nhận chuyển nhượng của ai. Do tin tưởng bà S nên chị không báo cho ông Nguyễn Văn C là chồng bà S biết việc vay tiền của bà S. Khi cho bà S vay số tiền trên chị không nhận cầm cố, thế chấp tài sản nào của bà S.

Sau khi vay, bà S không trả tiền lãi suất cho chị như thỏa thuận. Đến ngày 24-8-2016, bà S có trả cho chị 30.000.000 đồng tiền lãi, chị có ghi vào giấy mượn tiền trên. Ngoài ra, chị có ghi tờ giấy riêng đưa bà S giữ có nội dung chị có nhận 30.000.000 đồng tiền lãi của bà S trả. Sau đó, bà S không trả tiền lãi cho chị nữa mặc dù chị yêu cầu nhiều lần.

Nay chị yêu cầu bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn C trả số nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20-11-2015 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, sau đó khấu trừ số tiền lãi 30.000.000 đồng chị đã nhận của bà S trước đây.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Vào năm 2010, bà có vay của chị Nguyễn Thị R số tiền 350.000.000 đồng để mua đất. Khi vay có làm giấy tay do chị R viết và bà ký tên, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ. Bà trả lãi đầy đủ cho chị R đến năm 2015 thì chị R nói với bà tiền cho bà vay là của chị Lê Thị Lệ T và yêu cầu bà ký giấy nợ với chị T số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó, bà bán đất có trả cho chị T 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi nên bà viết lại giấy nợ chị T số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 20-11-2015 như chị T trình bày trên. Trong giấy nợ chị T, bà ký tên và ghi tên thường gọi của bà là Nguyễn Thị L. Sau khi ký giấy nợ 250.000.000 đồng, chị T tính lãi cho bà là 2%/tháng, trả lãi hàng tháng, hạn vay 01 năm. Ngày 24-8-2016, bà có trả lãi cho chị T được 30.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay bà đồng ý số nợ trên là nợ chị Lê Thị Lệ T không liên quan gì đến chị R nữa.

Bà vay tiền của chị T để mua đất nhưng sau đó cũng đã chuyển nhượng QSDĐ cho người khác xong (bà cho em bà tên Nguyễn Thị B mượn tiền, vì bà B bế hụi; nay bà B đã sang Hàn Quốc cư trú hơn một năm). Thời điểm vay tiền của chị R, bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn C chưa ly thân nhưng chuyển tiền bạc

trong gia đình do bà quán xuyến, ông C không biết gì. Bà và ông C ly thân từ năm 2012 đến nay, chưa ly hôn.

Nay bà đồng ý trả cho chị Lê Thị Lệ T số nợ gốc 250.000.000 đồng, xin không trả lãi, không yêu cầu chị T khấu trừ số tiền lãi 30.000.000 đồng bà đã trả lãi cho chị T trước đây. Bà xin trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn C thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ông là chồng của bà S, bà S là người nắm giữ kinh tế của gia đình nhưng ông và bà S đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Ông không biết bà S vay tiền của chị T. Ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DS-ST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn C trả cho chị Lê Thị Lệ T số tiền 281.500.000 (hai trăm tám mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2017, bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T với lý do: Ngày 29/8/2017 Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử nhưng không có bà tham gia, bà cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt là vi phạm tố tụng.

Ngày 06/10/2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyết định kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và tính lại án phí với lý do: Đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn, cấp sơ thẩm áp dụng chung mức lãi suất 1,125%/tháng là không đúng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm về tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 10/8/2015, ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt không tham gia công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lý do ông bị bệnh không tham gia được (bút lục 27).

Ngày 10/10/2017, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án số 46/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 cho ông Nguyễn Văn C, hết thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông C không kháng cáo.

[2] Ngày 23/8/2017, bà Nguyễn Thị S có đơn xin đề nghị vắng mặt không tham gia phiên họp chứng cứ, hòa giải và phiên tòa sơ thẩm (bút lục 40).

Ngày 29/8/2017, Tòa án nhân dân huyện T ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-DS ấn định thời gian mở phiên tòa là 07 giờ 30 phút ngày 15/9/2017.

Trong ngày 29/8/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị S (bút lục 42) để bà tham gia phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt. Cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà S là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 24/10/2017, bà S có đơn kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập họp lệ bà S 02 lần để xét xử vụ án nhưng bà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà S theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Theo giấy mượn tiền ngày 20/11/2015 giữa bà T và bà S không ghi thời hạn vay, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà S và bà T đều xác nhận có thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, nên cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn.

[4] Về tính lãi trong hạn: Bà S ký nhận nợ từ ngày 20/11/2015, thời hạn vay 01 năm, như vậy ngày thanh toán nợ cuối cùng cho bà T là ngày 20/11/2016 nhưng bà S không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tiền lãi trong hạn trên nợ gốc được tính với mức lãi suất do hai bên thỏa thuận, do mức lãi suất thỏa thuận 2%/tháng là vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, mức lãi suất được áp dụng là 1,125%/tháng, cụ thể: 250.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 12 tháng = 33.7500.000 đồng.

[5] Về tính lãi quá hạn: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không

trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”

Tiền lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng tính từ ngày 21/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 15/9/2017 là 09 tháng 25 ngày, cụ thể $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 18.437.500 \text{ đồng}$.

[6] Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm để buộc ông C, bà S trả cho bà T số tiền lãi 61.500.000 đồng là gây thiệt hại cho ông C, bà S số tiền 9.312.500 đồng là không đúng theo quy định tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự.

Do đó có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất. Cần buộc ông C, bà S trả cho bà T số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và 52.187.500 đồng tiền lãi, tổng cộng: 302.187.500, trừ 30.000.000 đồng đã thỏa thuận, ông C, bà S còn phải trả 272.187.500 đồng

[7] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do sửa án nên cần sửa lại tiền án phí, ông C, bà S phải chịu 5% trên số tiền 272.187.500 đồng là 13.609.375 đồng.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309; Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn C trả cho chị Lê Thị Lệ T số tiền 272.187.500 (hai trăm bảy mươi hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị T 7.725.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008641 ngày 27/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn C phải chịu 13.609.375 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009292 ngày 26/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;
- Lưu: VT, (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng